



PIONEER SHIPBROKERS CO., LTD.

(A MEMBER OF THE VIETNAM SHIPOWNER'S ASSOCIATION)

SHIP SALE & PURCHASE – CHARTERING

No.13, Ngan Long villas, Nguyen Huu Tho Street, Nha Be District, HCMC

Tel: 028-38817289

www.pioneershipbrokers.com.vn

Nhằm phục vụ nhu cầu của khách hàng và cập nhật thông tin thị trường ngày càng tốt hơn, công ty môi giới hàng hải Tiên Phong (Pioneer Shipbrokers) giới thiệu đến quý khách hàng ứng dụng **Pioneer Shipbrokers** có trên iOS và Android, công cụ hữu ích cho khách hàng quan tâm lĩnh vực mua bán tàu biển và thông tin thị trường

TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

TUẦN 33/2025

(12/08/2025 – 18/08/2025)

1. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÃ QUA SỬ DỤNG:

Ở mảng tàu hàng khô, tuần qua thị trường rung lắc ít và chỉ số BDI giảm 16 điểm còn 2.022 điểm. Chỉ số thuê tàu các phân khúc tuần qua như sau: Capesize là phân khúc duy nhất giảm, bốc hơi 105 điểm (↓3,1%) còn 3.212 điểm. Cước thuê tàu phân khúc này giảm do mỗi lo ngại về nhu cầu thép suy giảm tại thị trường tiêu thụ hàng đầu Trung Quốc. Các phân khúc còn lại ít bị ảnh hưởng hơn như sau: Panamax hầu như không thay đổi hiện còn 1.630 điểm. Supramax và Handysize vẫn duy trì xu hướng tăng nhẹ ổn định trung bình 2% lên lần lượt 1.361 điểm và 702 điểm. Hoạt động mua bán tàu đã qua sử dụng vẫn đang có đà tốt nhờ sự hỗ trợ của tuần trước và cũng tập trung chủ yếu ở hai phân khúc Panamax và Supramax. Một vài thương vụ mua bán tàu Capesize cũng trở lại. Ở phân khúc Supramax, tàu **Ci Yun Shan** (56.687 dwt, đóng 2010 Trung Quốc) vừa được chủ tàu bán thành công với giá khoảng 11,5 triệu đô la Mỹ. Mức này hơi cao bất kể tàu sắp đến hạn đà đặc biệt DD/SS 11/2025. Sang phân khúc Handysize, chủ tàu Hàn Quốc chốt tàu **Sea Sapphire** (32.550 dwt, đóng 2010 Trung Quốc, máy chính MAN-B&W sản xuất tại Hàn Quốc) với giá khoảng 8,5 triệu đô la Mỹ - mức này khá cao do tình trạng tàu tốt và tàu cũng mới qua đà tháng 5/2025. Tàu nhỏ hơn **Bobic** (31.896 dwt, đóng 2006 Nhật, chở được gỗ, DD/SS 1/2026) cũng được chủ tàu Hy Lạp bán với giá khoảng 7,35 triệu đô la Mỹ. Giá tàu **Bobic** hợp lý nhất thị trường do tàu đang chạy khu vực Địa Trung Hải nên chủ tàu chỉ đồng ý giao tàu tại khu vực trên.

Ở mảng tàu dầu/hóa chất, chỉ số BCTI (Baltic Clean Tanker Index) tiếp tục giảm 51 điểm (↓7,7%) còn 605 điểm, chỉ số BDTI (Baltic Dirty Tanker Index) đang ổn định quanh mức cũ, tăng nhẹ 2 điểm (↑0,2%) lên 1.015 điểm. Tổng quan cước thuê tàu chở dầu thô và tàu chở dầu thành phẩm/hoá chất tuần qua nhìn chung không quá ảm đạm vì nhu cầu hàng hoá đã tốt hơn, song lượng tàu chờ cũng nhiều không kém nên cước tàu chưa được hỗ trợ như mong đợi. Vừa qua, cờ Panama quyết định không nhận đăng ký mới tàu dầu và tàu rời trên 15 tuổi cũng đang là một thách thức lớn. Việc ngày càng nhiều hạn chế đối với tàu già, đội tàu bóng tối cũng đang bị truy lùng trừng phạt thì số tàu khai thác được trên thế giới sẽ giảm mạnh, lượng tàu đóng mới không đủ bù đắp và cước tàu chắc chắn sẽ được hưởng lợi. Hoạt động mua bán tàu khá trầm lắng dù sự trầm lắng đối với các phân khúc quan trọng như Aframax, LR, MR mặc dù sự quan tâm của Người mua vẫn còn sôi nổi. Một vài giao dịch mua bán tàu VLCC lại nổi lên khá mạnh mẽ giai đoạn gần đây. Nhìn chung, trước các biến động địa chính trị liên tục như hiện nay thì thị trường không có gì chắc chắn.

Bảng ghi nhận các giao dịch mua bán tàu đã qua sử dụng trong tuần qua:

Name	Blt Year	Blt Place	Dwt	Price M.USD	Buyers	Comment
BULKERS / GENERAL CARGO CARRIERS						
Mineral Utamaro	2016	Japan	207,469			DD/SS 02/2026
Mineral Edo	2015	Japan	207,219	165.00	Asyad Shipping	DD 04/2028, SS 04/2030
Mineral Hokusai	2015	Japan	207,219			DD/SS 11/2025
Anglo Saxon	2010	China	114,135	14.50	Indian	Delivered, scrubber fitted, DD/SS due 09/2025
Red Marlin	2017	Japan	85,015	26.30	Danish	Wide beam, DD/SS 02/2027, Japanese owners
Pedhoulas Merchant	2006	Japan	82,214	11.50	Safe Bulkers	DD/SS 03/2026, Greek owners
Shandong Fu Yuan	2018	China	81,781	Undisclosed	Undisclosed	Auction sale, DD 03/2026, SS 05/2028
Shandong Fu En	2018	China	81,774	Undisclosed	Undisclosed	Auction sale, DD/SS 01/2027
Istria	2013	China	81,669	17.00	Bright Navigation	DD 10/2026, SS11/2028, Singaporean owners
Ultra Diversity	2017	Japan	63,490	26.70	Undisclosed	Scrubber fitted, DD/SS 04/2027
Nord Bering	2015	Japan	61,186	23.40	Undisclosed	DD/SS due 09/2025
Mystras	2013	STX Dalian, China	57,300	15.50	UAE-based	DD 01/2026, SS 01/2028
Ci Yun Shan	2010	China	56,687	11.50	Undisclosed	DD/SS 11/2025
Adrienne	2020	Japan	34,845	22.90	Undisclosed	DD/SS freshly passed 07/2025, next DD 07/2028, SS 01/2030
Sea Sapphire	2010	China	32,550	8.50	Undisclosed	M/E MAN-B&W (made in Korea), DD/SS freshly passed 05/2025, next DD 05/2028, SS 03/2030
Bobic	2006	Japan	31,896	7.35	Turkish	Log-fitted, DD/SS 01/2026
TANKERS						
Bunga Kasturi Lima	2007	Japan	300,246			Scrubber fitted, DD/SS 09/2027
Bunga Kasturi Enam	2008	Japan	299,319	88.00	Undisclosed	Scrubber fitted, DD 03/2026, SS 03/2028
Searacer	2009	China	297,259	48.00	Undisclosed	DD 07/2026, SS 04/2029
Front Brage	2011	China	156,557	Undisclosed	Undisclosed	Scrubber fitted, DD/SS 03/2026

San Julian	2003	Korea	69,554	8.80	Nigerian	DPP, deepwell, DD 01/2026, SS 10/2027
Clarice	2014	Japan	25,926	29.50	Indian	Chemical IMO II/III, stainless steel, DD 03/2027, SS 02/2029
CONTAINERS						
Easline Dalian	1998	Japan	24,542	10.00	Undisclosed	1675 teu, DD 10/2026, SS 10/2028
Honrise	2001	Japan	23,672	Undisclosed	Undisclosed	1662 teu, DD/SS 07/2026
UGL Guangzhou	2002	Japan	19,309	29.80	Undisclosed	1618 teu, DD/SS 04/2027
OOCL Rauma	2009	Germany	17,791	Undisclosed	German	1425 teu, scrubber fitted, gearless, ice class 1A Super, DD 10/2027, SS 11/2029
Navi Baltic	2009	Germany	17,894	Undisclosed	German	Delivered, 1421 teu, gearless, ice class 1A Super, DD 04/2027, SS 07/2029
Atlantic West	2008	China	17,350	17.00	CMA CGM	1345 teu, CR 2X45T, ice class II, DD 08/2026, SS 05/2028
Atlantic Silver	2008	China	17,215	17.00		1341 teu, CR 2X45T, ice strengthened, DD 12/2026, SS 07/2028
Wybelsum	2008	China	17,094	16.60	Undisclosed	1402 teu, gearless, ice class 1A, DD 06/2026, SS 06/2028, German owners

Bảng minh họa giá trị tàu đã qua sử dụng cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật:

Giá trị tàu hàng khô (đv: triệu đô la Mỹ)		% thay đổi theo (M (month) = tháng)					TB 5 năm
	08/ 2025	1M	3M	6M	12M		

CAPE SIZE

180k dwt	Resale	76.00	0%	0%	1%	-1%	60.75
180k dwt	5 tuổi	63.00	-2%	-2%	0%	-2%	45.00
170k dwt	10 tuổi	46.50	1%	3%	8%	4%	31.75
150k dwt	15 tuổi	26.00	-2%	-9%	0%	-9%	20.00

PANAMAX

82k dwt	Resale	39.00	3%	1%	0%	-11%	36.75
82k dwt	5 tuổi	32.00	5%	-2%	-3%	-18%	30.25
76k dwt	10 tuổi	25.00	6%	0%	2%	-15%	21.25
74k dwt	15 tuổi	16.00	7%	0%	10%	-16%	14.00

SUPRAMAX

62k dwt	Resale	38.00	0%	0%	3%	-8%	34.75
58k dwt	5 tuổi	31.00	2%	0%	2%	-15%	26.00
56k dwt	10 tuổi	22.50	0%	-4%	2%	-20%	19.00
52k dwt	15 tuổi	15.50	7%	2%	7%	-6%	13.00

HANDYSIZE

37k dwt	Resale	33.00	2%	0%	0%	-4%	29.00
37k dwt	5 tuổi	26.50	4%	4%	4%	-5%	22.75
32k dwt	10 tuổi	20.50	8%	11%	21%	0%	15.25
28k dwt	15 tuổi	12.00	2%	0%	9%	-8%	9.75

Giá trị tàu dầu/hóa chất (đv: triệu đô la Mỹ)		% thay đổi theo (M (month) = tháng)					TB 5 năm
	08/ 2025	1M	3M	6M	12M		

VLCC

310k dwt	Resale	147.00	0%	1%	-1%	2%	114.50
310k dwt	5 tuổi	117.00	0%	2%	3%	2%	87.25
250k dwt	10 tuổi	87.00	0%	2%	2%	3%	62.50
250k dwt	15 tuổi	58.00	0%	0%	7%	1%	44.50

SUEZMAX

160k dwt	Resale	93.00	-1%	-1%	-3%	-6%	78.75
150k dwt	5 tuổi	76.00	-1%	-1%	0%	-8%	61.00
150k dwt	10 tuổi	61.00	-2%	-2%	5%	-10%	45.50
150k dwt	15 tuổi	40.00	-2%	-2%	-2%	-15%	29.50

AFRAMAX

110k dwt	Resale	75.00	0%	0%	-5%	-12%	65.50
110k dwt	5 tuổi	62.50	0%	0%	-2%	-13%	51.50
105k dwt	10 tuổi	50.00	0%	0%	-3%	-16%	38.25
105k dwt	15 tuổi	34.00	0%	0%	-3%	-17%	25.25

MR

52k dwt	Resale	52.00	4%	4%	2%	-5%	44.75
52k dwt	5 tuổi	42.00	5%	2%	2%	-11%	35.50
45k dwt	10 tuổi	32.00	7%	3%	3%	-17%	25.75
45k dwt	15 tuổi	18.50	0%	0%	-14%	-34%	17.25

2. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÓNG MỚI:

Type	Size	Price (m.usd)	Qty	Yard	Owners	Delivery	Comments
Tanker	49,200 dwt	50.00	2	Penglai Jinglu	Champion Tankers	-	Price per unit, methanol dual fuel
Bulker	82,000 dwt	-	2	Hengli H.I.	Centrofin	2027	
Bulker	63,000 dwt	-	4	Taizhou Zhonghang	King Ship, Hong Kong	-	
Container	13,000 teu	150.00	2	Hyundai H.I.	KMTC	2028	Price per unit
Container	5,300 teu	61.30	4	Huangpu Wenchong	TS Lines	SH 2028	Price per unit
Container	4,300 teu	60.00	1	Huangpu Wenchong	Ningbo Ocean Shipping	2029	

Bảng minh họa giá tàu đóng mới cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật)

Giá trị tàu hàng khô đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)				
	08/2025	1M	3M	6M	12M
Capesize (180.000 dwt)	71.5	0.00%	-4.67%	-4.03%	-6.54%
Panamax (77.000 dwt)	37.0	0.00%	0.00%	0.00%	-1.33%
Supramax (61.000 dwt)	34.0	0.00%	0.00%	-1.45%	-1.45%
Handysize (37.000 dwt)	30.0	0.00%	0.00%	-1.64%	-1.64%

Giá trị tàu dầu/dầu/hóa chất đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)				
	08/2025	1M	3M	6M	12M
VLCC (300.000 dwt)	128.0	0.00%	0.00%	0.78%	-3.03%
Suezmax (170.000 dwt)	86.0	0.00%	0.00%	0.00%	0.58%
A.max (115.000 dwt)	74.0	0.00%	0.00%	-3.27%	-1.99%
MR (56.000 dwt)	52.0	0.00%	-0.00%	-4.59%	-2.80%

3. THỊ TRƯỜNG THUÊ TÀU

3.1. Thị trường thuê tàu hàng khô:

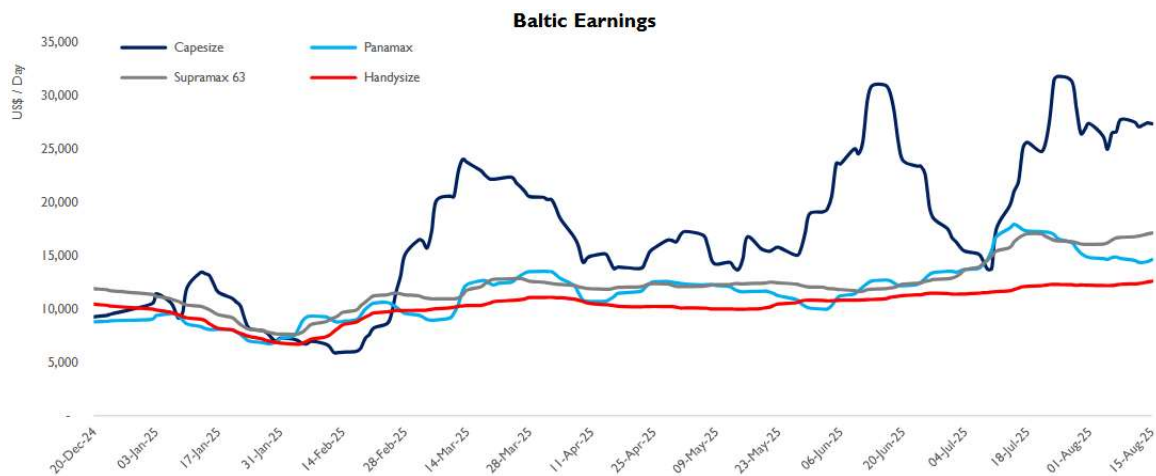
Cước trung bình phân khúc **Ultramax** và **Supramax** tuần qua đóng cửa ở mức 17.100 đô la Mỹ, tăng 409 đô la Mỹ so với mức 16.691 đô la Mỹ của tuần trước. Thị trường tàu có cần cầu, đặc biệt là Supramax, đã có một tuần mạnh mẽ. Mức đỉnh theo mùa, từng thấy vào tháng 7, đã được duy trì đến tháng 8, với chỉ số lần đầu tiên đạt trên 17.000 đô la Mỹ kể từ tháng 7 năm 2024. Hoạt động tại Vịnh Châu Mỹ vẫn mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Drydel đã chốt tàu ***Ionic Spirit*** (56.108 dwt, đóng 2010) giao tại South West Pass (16-20/8) cho chuyên hàng đến Puerto Cortes-Cristobal với giá khoảng 22.000 đô la Mỹ. Hơn nữa, thị trường Nam Đại Tây Dương ổn định và tâm lý thị trường Châu Á - Thái Bình Dương cải thiện đều đặn, mặc dù khi khối lượng hàng hóa theo mùa bắt đầu giảm ở Nam Mỹ, chúng ta có thể thấy một sự sụt giảm nhẹ trong những tuần tới. Các chuyến đi khứ hồi bằng tàu Ultramax ở Bắc Thái Bình Dương được ký kết ở mức khoảng 15.000-19.000 đô la Mỹ. Đơn cử, tàu ***Belforte*** (64.057 dwt, đóng 2019) giao tại Gwangyang được Oldendorff chốt chuyển hàng rời từ Bắc Thái Bình Dương đến khu vực Singapore-Nhật Bản với giá 16.000 đô la Mỹ.

Chỉ số cước trung bình phân khúc **Handies** tuần qua đóng cửa ở mức 12.570 đô la Mỹ, tăng 276 đô la Mỹ so với mức 12.294 đô la Mỹ của tuần trước. Mặc dù hoạt động cho thuê tàu còn hạn chế, tâm lý thị trường vẫn tích cực trên cả khu vực Continent-Địa Trung Hải và Vịnh Châu Mỹ, trong khi cước phí vẫn tương tự như các giao dịch cuối cùng, phản ánh sự tích cực từ phân khúc Supramax. Nam Đại Tây Dương giữ vững, mặc dù cần nhiều yêu cầu hơn nữa để có bất kỳ chuyển động đáng kể nào xảy ra. Đối với hợp đồng thuê dài hạn, có tin một tàu khoảng 37.000 dwt đã được thuê trong một thời gian ngắn, giao tại Tây Địa Trung Hải và trả tàu ở nơi bất kỳ. Thị trường Thái Bình Dương nhìn chung vẫn ổn định mặc dù có ít yêu cầu mới, đặc biệt là từ phía Bắc. Trong khi danh sách tàu ở phía Bắc được ghi nhận là dài hơn một chút, cước phí vẫn được cố định ở mức cuối cùng. Số lượng tàu vẫn khan hiếm ở Đông Nam Á và người thuê tàu sẵn sàng trả giá cao hơn cho các tàu đi ngay.

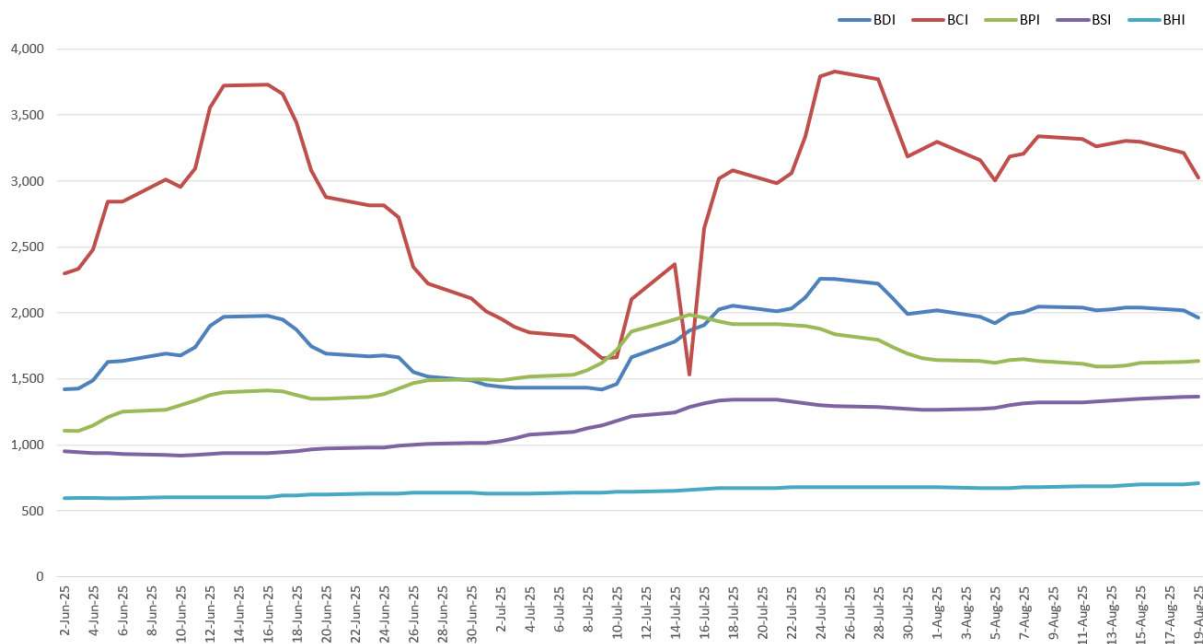
GIÁ THUÊ T/C TRUNG BÌNH TÀU HÀNG KHÔ THAM KHẢO NGÀY 18/08/2025

	US\$/ngày	▼ / ▲
SUPRAMAX	15.066	▲ 409
HANDIES 38K	12.570	▲ 276

(so sánh với giá trị ngày 11/08/2025)



CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU HÀNG KHÔ



3.2. Thị trường thuê tàu dầu/hóa chất:

Tại thời điểm báo cáo, giá dầu thô Mỹ WTI giao dịch ở ngưỡng 63,36 đô la Mỹ/thùng - giảm 0,3% so với phiên giao dịch trước đó, trong khi giá chuẩn Brent dừng lại ở mức 66,6 đô la Mỹ/thùng. Giá dầu thế giới hôm nay bật tăng hơn 1% khi thị trường dõi theo cuộc gặp song phương giữa Tổng thống Mỹ Donald Trump và người đồng cấp Ukraine Volodymyr Zelenskiy. Tổng thống Putin đã ký sửa đổi sắc lệnh năm 2022 về việc tiếp quản toàn bộ dự án Sakhalin-1 cho phía Nga, lần này kèm thêm các điều khoản mở ra khả năng cho phép các doanh nghiệp nước ngoài quay trở lại tham gia dự án. Bên cạnh đó, các quan chức cấp cao của Mỹ và Iraq đã thảo luận về khả năng nối lại hoạt động xuất khẩu dầu từ khu vực bán tự trị Kurdistan của Iraq và vai trò của các công ty dầu mỏ Mỹ đang hoạt động tại quốc gia này, Bộ Ngoại giao Iraq cho biết. Việc xuất khẩu dầu từ Kurdistan hiện đã bị dừng lại trong hai năm rưỡi, sau khi bị đóng cửa vào tháng 3/2023 do tranh chấp về việc ai nên cấp phép xuất khẩu cho người Kurd. Trong tháng 7, Trung Quốc xuất khẩu 5,34 triệu tấn sản phẩm dầu tinh chế, tăng 7,1% so với cùng kỳ năm trước. Đây là mức cao nhất kể từ tháng 6/2024, với xuất khẩu xăng, dầu diesel và nhiên liệu máy bay đều tăng mạnh hai chữ số.

3.2.1 Phân khúc tàu chở dầu thô

Phân khúc tàu VLCC

Thị trường tàu VLCC tại khu vực Trung Đông ghi nhận xu hướng sôi động trong tuần vừa qua. Các hoạt động giao dịch thuê chuyển tăng mạnh vào đầu tháng 8 nhờ các yếu tố thuận lợi từ việc OPEC+ đã nâng sản lượng và kế hoạch xuất khẩu dầu thô của Nga. Thị trường duy trì ổn định, với cước trên tuyến MEG/Trung Quốc được ký kết ở mức WS 56, trong khi tuyến Tây Phi/Trung Quốc hiện giữ quanh mức WS 55.

Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước
Trung Đông/ Trung Quốc	37.481	36.983	↑
USG/Trung Quốc	34.112	35.743	↑

Phân khúc tàu Suezmax

Theo ghi nhận, cước tàu Suezmax tại khu vực Tây Phi và Địa Trung Hải có xu hướng vô cùng mạnh mẽ khi cước tăng mạnh nhờ vào khối lượng hàng hóa dồi dào. Nguyên nhân chủ yếu do thông tin Nga sẽ gia tăng xuất khẩu dầu thô trong thời gian tới. Tuy nhiên, về cuối tuần thị trường bắt đầu chững lại, cước trên tuyến Nigeria/UKC giảm khoảng 17 điểm, kết thúc ở mức WS 105.

Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước
Tây Phi / Cont	57.250	46.071	↑
Guyana / UKC	54.506	41.274	↑

Phân khúc tàu Aframax	Theo đánh giá, phân khúc tàu Aframax ghi nhận sự ảm đạm vào đầu tuần tại Trung Đông, do nhu cầu nội địa trầm lắng. Tuy vậy, thị trường đã phục hồi và kết thúc tuần trong trạng thái ổn định hơn. Theo báo cáo, cước tại khu vực Địa Trung Hải đã ghi nhận mức giảm nhẹ, tuyến Ceyhan/Lavera chỉ còn WS 147.			
	Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước
	UKC / UKC	32.476	43.311	↑
	Med / Med	37.316	37.097	↑
	USG / Cont	35.983	34.299	↓
	EC Mex / USG	38.859	45.757	↓

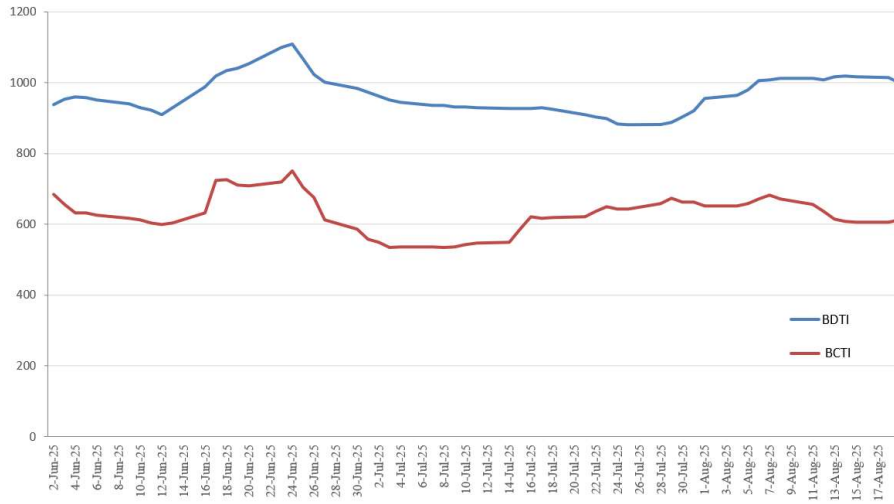
3.2.2 Phân khúc tàu chở dầu thành phẩm/ hóa chất:

Đối với phân khúc **tàu MR-Handy**: Thị trường tàu MR từ khu vực Cont đi USAC ghi nhận mức cước WS 120 vào đầu tuần, một sự khởi đầu khá sôi động. Tuy nhiên, mặc dù khối lượng hàng hóa gia tăng, nhưng số lượng tàu dư thừa vẫn đang vượt quá nhu cầu hiện tại, điều này khiến cước liên tục có xu hướng giảm. Đến cuối tuần, cước trên tuyến này chỉ còn ở mức WS 100, với mức chênh lệch cho tuyến Tây Phi dao động quanh giới hạn +20 điểm. Theo đánh giá, tâm lý thị trường nhìn chung khá ổn định trong các ngày từ 18 – 22. Bên cạnh đó, thị trường Handy tuần này tương đối ổn định, khi tuyến ARA/UK-Cont mở đầu ở mức WS 150. Trong tuần, số lượng tàu có sẵn đã giảm đáng kể, các tàu ký kết cho chuyến đến Argentina ở mức 975.000 đô la Mỹ và Địa Trung Hải ở mức WS 130. Vào cuối tuần, cước cho tuyến trên duy trì ở mức WS 140 với tâm lý thị trường tiếp tục ổn định

Bảng minh họa giá thuê tàu định hạn cập nhật theo số liệu gần nhất (US\$/ngày):

	Giá thuê tàu định hạn tuần 33/2025			Giá thuê tàu định hạn tuần 32/2025		
	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM
VLCC	47,500	46,000	45,000	47,000	45,000	44,500
SUEZMAX	32,500	33,000	31,500	32,000	32,500	31,000
AFRAMAX	30,500	29,000	28,500	31,000	29,000	28,500
LR-2	30,000	29,000	29,000	31,000	29,000	29,000
LR-1	24,500	23,000	23,000	24,500	22,500	22,500
MR	19,000	19,000	19,000	19,500	19,000	18,500
HANDY	17,500	17,000	16,500	17,500	16,500	16,000

CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU DẦU



4. THỊ TRƯỜNG TÀU PHÁ DỠ:

GIÁ PHÁ DỠ THAM KHẢO

(dành cho tàu có lt > 5.000)

STT	Giao tại	Tàu hàng rời	Tàu dầu	Tàu container
		US\$ ▼/▲	US\$ ▼/▲	US\$ ▼/▲
1	Pakistan	425	445	455
2	Bangladesh	405	425	435
3	India	415	435	445
4	Turkey	250	260	270

(đơn vị tính: usd/lt ldt. 1 lt = 1.017 mt ldt)

MỘT SỐ TÀU PHÁ DỠ GHI NHẬN TRONG TUẦN 33/2025

Name	Type	Blt year	LDT	Demolition place	Price (US\$/lt)	DWT	Comments
Bow Faguis	Tanker	1995	11,043	India	940.00	37,375	2,335t stainless steel
Hun	Bulker	1997	8,915	Pakistan	-	43,866	Woodchip carrier
Ya Hunsein	Bulker	1996	5,413	India	-	24,290	
Simas	MPP	1991	5,027	India	-	17,012	
Kuroshio I	Pipelaying barges	1972	9,694	-	-	15,652	As is Batam
Kuroshio II	Pipelaying barges	1976	13,155	-	-	11,850	As is Batam

CÔNG TY MÔI GIỚI TÀU BIỂN TIỀN PHONG

PIONEER SHIPBROKERS

MUA – BÁN – THUÊ TÀU

Email: snp@pioneershipbrokers.com.vn (S&P) opn@pioneershipbrokers.com (chartering)

Các thông tin trên được chúng tôi tập hợp từ các nguồn thông tin khác nhau và chỉ mang tính tham khảo.

Chúng tôi không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào liên quan đến tính chính xác của các thông tin trên.